

TỜ TRÌNH
Đề nghị thông qua Kế hoạch sử
dụng đất năm 2023 thị xã Phước Long

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Phước Long;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Phước Long;

Căn cứ Công văn số 1986/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước *V/v hướng dẫn một số nội dung trong lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và điều kiện đăng ký danh mục dự án cần thu hồi đất thông qua HĐND tỉnh;*

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-HĐND ngày 29/10/2022 của HĐND thị xã Phước Long về tổ chức kỳ họp thứ sáu (*cuối năm 2022*) – HĐND thị xã khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026; Thông báo số 31/TB-HĐND ngày 31/10/2022 của HĐND thị xã Phước Long về kết quả Hội nghị liên tịch ngày 28/10/2022 về chuẩn bị tổ chức kỳ họp thứ 6 (*cuối năm 2022*) – HĐND thị xã khóa IV;

Căn cứ Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã lần thứ mười ba (*mở rộng*) – khoá XII, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 14/12/2022;

UBND thị xã kính trình HĐND thị xã khóa IV, kỳ họp thứ sáu thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Phước Long (*Kèm theo Báo cáo số 448/BC-UBND ngày 16/12/2022 Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Phước Long của UBND thị xã và dự thảo Nghị quyết*), với những nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã quy định: “*Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo Quy hoạch và Pháp luật, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả*”. “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo Pháp luật*”.

1.2. Để thực hiện được việc quản lý đất đai thì Nhà nước không thể thiếu Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

1.3. Việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm: (1) Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; (2) Làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; (3) Quản lý và sử dụng quỹ đất chặt chẽ, hiệu quả, tiết kiệm, hợp lý và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

Từ những nội dung nêu trên, việc UBND thị xã Phước Long lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là nhiệm vụ phải thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đất đai, phù hợp với nhu cầu sử dụng đất thiết thực ở địa phương, là một trong những nội dung cơ bản để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của thị xã.

2. Mục tiêu lập kế hoạch sử dụng đất

- Đánh giá được các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thị xã.
- Đánh giá được kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Tổng hợp, cân đối được nhu cầu với chỉ tiêu sử dụng đất, đồng thời xác định chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 cho các ngành, lĩnh vực và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, phường.

- Xác định được các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

3. Những căn cứ pháp lý

Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Phước Long, gồm:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Phước Long;
- Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Phước Long;
- Căn cứ Công văn số 1986/STNMT-CCQLĐĐ ngày 07/9/2022 của Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước *V/v hướng dẫn một số nội dung trong lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và điều kiện đăng ký danh mục dự án cần thu hồi đất thông qua HĐND tỉnh;*

4. Tài liệu kế thừa

Tất cả hồ sơ, tài liệu Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*nêu tại Báo cáo tóm tắt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của UBND thị xã kèm theo*).

5. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/3/2022, thị xã đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể như sau:

5.1. Kết quả

5.1.1 Theo chỉ tiêu:

Năm 2022, thị xã Phước Long có 22 chỉ tiêu thuộc nhóm đất phi nông nghiệp và 01 chỉ tiêu thuộc nhóm nông nghiệp.

- Đã triển khai 08/23 chỉ tiêu, đạt 34,78%;

Trong đó:

+ 01 chỉ tiêu đạt kết quả dưới 40 %: Đất giao thông.

+ 04 chỉ tiêu đạt kết quả trên 50 %, bao gồm: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; Đất cơ sở tôn giáo.

+ 03 chỉ tiêu đạt kết quả 100%: Đất xây dựng cơ sở y tế; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

- Chưa triển khai thực hiện 15/23 chỉ tiêu, chiếm 65,22%, bao gồm: Đất quốc phòng; Đất an ninh; Đất cụm công nghiệp; Đất thương mại dịch vụ; Đất thủy lợi; Đất xây dựng cơ sở văn hóa; Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; Đất chợ; Đất có di tích lịch sử văn hóa; Đất khu vui chơi giải trí công cộng; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất ở tại nông thôn; Đất ở tại đô thị; Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất trồng cây lâu năm.

5.1.2. Theo diện tích:

Tính tổng thể: Đã thực hiện xong 39,81 ha đạt 4,64% Kế hoạch.

5.1.3. Theo nhóm sử dụng đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: Có 01 chỉ tiêu, chưa triển khai.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Có 22 chỉ tiêu, đã triển khai 08 chỉ tiêu với tổng diện tích đã thực hiện là 39,81 ha đạt 4,64% Kế hoạch.

5.1.4. Theo cấp xã, phường:

Kết quả thực hiện không đều, biến động từ 0,05 - 26,72 ha.

Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã còn thấp so với những địa phương khác trong toàn tỉnh Bình Phước.

5.2. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch còn một số tồn tại

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Phước Long được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt ngày 25/3/2022 (*chậm so với thời gian quy định*).

- Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất còn thấp, tỷ lệ chỉ tiêu đạt 34,78%, tỷ lệ diện tích đạt 4,64%.

- 01 chỉ tiêu đạt kết quả dưới 40% và 15 chỉ tiêu chưa triển khai thực hiện.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các xã, phường biến động từ 0,05 - 26,72 ha.

- Đất năng lượng thủy điện Thác Mơ chuyển về địa phương và đất rừng đặc dụng chuyển về địa phương có diện tích rất lớn (*chuyển tiếp từ năm 2021 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục giao về địa phương*).

- Diện tích chuyển đổi mục đích sang đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã nhìn chung đạt kết quả thấp.

6. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

6.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm Kế hoạch

(Phụ lục 01 kèm theo)

6.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

(Phụ lục 02 kèm theo)

6.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

(Phụ lục 03 kèm theo)

6.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

Trên địa bàn thị xã Phước Long không còn đất chưa sử dụng.

7. Các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thị xã thì cần có sự phối hợp, tham gia đồng bộ của các ngành, các cấp, của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất theo đúng quy định của Pháp luật về đất đai; Trong đó: Các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát và đôn đốc các công trình, dự án triển khai thực hiện đúng tiến độ.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho thành phần kinh tế, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo môi trường theo đúng quy định Pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai Dự án sử dụng đất (*nếu có*) theo đúng quy định. Các công trình, Dự án quá thời gian

quy định mà không triển khai thực hiện và không có lý do thì đề nghị loại bỏ khỏi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Ban hành hoặc phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan quy định thẩm định, lựa chọn nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân theo đúng thẩm quyền để tránh tình trạng công trình, dự án treo trong nhiều năm.

- Thực hiện đúng trình tự, thủ tục trong việc bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với quỹ đất công; tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện đăng ký, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo kế hoạch để tăng nguồn thu Ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của Pháp luật.

- Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn các quy định về quản lý, sử dụng đất đai để tổ chức, cá nhân hiểu và thực hiện theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chính sách về đào tạo ngành nghề cho người sử dụng đất bị thiếu đất ở, đất sản xuất theo đúng quy định (*do giải tỏa, giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án*).

- Cân đối và bố trí ngân sách kịp thời để phục vụ công tác chỉnh lý biên động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư; quản lý tốt công tác giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng Kế hoạch được duyệt.

- Các cơ quan chuyên môn có liên quan, UBND các xã, phường: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích của tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn (*định kỳ hàng tháng*) và báo cáo UBND thị xã (*thông qua phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp*) để trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung vào Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

UBND thị xã kính trình HĐND thị xã khóa IV, kỳ họp thứ 6 thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Phước Long để có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND thị xã;
- CT, các PCT. UBND thị xã;
- ĐB.HĐND, 02 Ban HĐND thị xã;
- UBND TTQVN thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Phòng TN&MT;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Hoàng

Phụ lục 01: Phân bổ diện tích các loại đất trong năm Kế hoạch
 (Kèm theo Tờ trình số: *109* /TTr-UBND ngày *16/12*/2022 của UBND thị xã Phước Long)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng diện tích tự nhiên		11.935,07	2.168,89	419,56	1.588,42	1.253,30	1.304,81	2.189,70	3.010,39
I	LOẠI ĐẤT									
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.158,34	692,95	198,17	1.410,89	835,97	1.030,62	1.991,93	1.997,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	60,92			40,64		8,55	11,73	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>52,37</i>			<i>40,64</i>			<i>11,73</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	45,41	4,59	1,63	19,22		6,71	13,26	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.905,08	624,31	195,70	442,24	835,97	1.014,76	1.966,44	1.825,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.140,65	64,05		904,45				172,16
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,27		0,84	4,34		0,60	0,49	
1.8	Đất làm muối	LMU								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.776,73	1.475,94	221,39	177,54	417,32	274,19	197,77	1.012,58
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất quốc phòng	CQP	42,93	11,40	1,35					30,18
2.2	Đất an ninh	CAN	4,62	0,14	3,77	0,50	0,18	0,03		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	100,00					50,00	50,00	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11.68	0,24	1,10	0,19	7,74	2,02		0,41
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	111.66	9,40	3,05	14,61	24,86	33,68	16,40	9,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	5.00						5,00	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11.46	9,79						1,66
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.528.83	1.239.85	71,57	70,87	142,14	65,89	60,22	878,28
	Trong đó:									
2.9.1	Đất giao thông	DGT	450,70	70,97	53,63	48,92	117,32	57,40	43,41	59,04
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	12,61	1,08	1,00	3,78	4,56	1,08	1,10	
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,55	0,30	1,92	0,45		0,31	0,43	0,14
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,84	0,05	3,82	0,07	0,55	0,05	0,23	0,08
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	25,15	2,91	3,62	2,20	7,63	2,00	1,59	5,19
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	4,09	0,08	2,39	0,77	0,34			0,51
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	1.932,92	1.128,79	3,72				0,02	800,40
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,25	0,10	0,01	0,04	0,05			0,05
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG								
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,83	0,40		5,43				
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,85	7,08					0,77	
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	19,57	0,58	1,07	2,98	5,43	3,69	1,76	4,07
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	33,52		0,39	6,24	6,25	1,34	10,91	8,38
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	26,72	26,72						
2.9.16	Đất chợ	DCH	1,22	0,79						0,43

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,89	0,55	0,17	0,14	0,52	0,30	0,64	0,57
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	13,79	0,42	2,76		9,94			0,66
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	109,13						27,37	81,76
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	517,69	79,11	71,68	84,16	195,08	87,66		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,17	0,33	2,96	0,96	14,35	0,58	0,51	0,49
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,69	0,05	1,31	0,32				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,28			0,18	0,08			0,03
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	250,56	124,65	53,81	5,62	6,80	13,96	37,24	8,48
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	43,31		7,78		15,45	20,07		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,05		0,07		0,19		0,39	0,39
3	Đất chưa sử dụng	CSD								
II	KHU CHỨC NĂNG									
1	Đất khu công nghệ cao	KCN								
2	Đất khu kinh tế	KKT								
3	Đất đô thị	KDT	6.734,98	2.168,89	419,56	1.588,42	1.253,30	1.304,81		
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	6.957,45	624,31	195,70	482,88	835,97	1.014,76	1.978,17	1.825,65
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	1.140,65	64,05		904,45				172,16
6	Khu du lịch	KDL								

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT								
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	100,00					50,00	50,00	
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	6.734,98	2.168,89	419,56	1.588,42	1.253,30	1.304,81		
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	11,68	0,24	1,10	0,19	7,74	2,02		0,41
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV								
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	475,87						103,50	372,37
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	135,20						43,77	91,43

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Phụ lục 02: Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

(Kèm theo Tờ trình số: 119 /TTr-UBND ngày 16 / 12/2022 của UBND thị xã Phước Long)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp	NNP	219,69	10,61	3,16	17,43	7,60	64,66	64,92	51,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA								
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	214,96	9,46	3,16	14,92	7,60	64,66	64,92	50,24
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4,73	1,15		2,51				1,07
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS								
1.8	Đất làm muối	LMU								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7,75	0,32		0,10	0,02	7,29	0,02	
2.1	Đất quốc phòng	CQP								
2.2	Đất an ninh	CAN								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD								
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,25					7,25		
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT								
	Trong đó:									
2.9.1	Đất giao thông	DGT								
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL								
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH								
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT								
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD								
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT								
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL								
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV								
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG								
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA								
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON								
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD								
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH								
2.9.16	Đất chợ	DCH								
2.10	Đất dành làm thắng cảnh	DDL								
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,02						0,02	

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,48	0,32		0,10	0,02	0,04		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC								
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS								
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN								
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON								
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC								
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK								

Phụ lục 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

(Kèm theo Tờ trình số: 119 /TTr-UBND ngày 16 / 12/2022 của UBND thị xã Phước Long)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		365,41	14,12	7,41	68,09	62,35	79,23	73,81	60,41
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN								
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN								
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	344,18	12,47	7,41	49,58	62,35	79,23	73,81	59,34
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	21,23	1,65		18,51				1,07
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN								
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN								
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		73,50	27,80		45,70				
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN								
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP								
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS								

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
của thị xã Phước Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thị xã; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 19/12/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội

HĐND thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Phước Long và các giải pháp tổ chức thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã tại Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 16/12/2022 và Báo cáo số 448/BC-UBND ngày 16/12/2022, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

(1) Theo chỉ tiêu:

Năm 2022, thị xã có 22 chỉ tiêu thuộc nhóm đất phi nông nghiệp và 01 chỉ tiêu thuộc nhóm nông nghiệp.

- Đã triển khai 08/23 chỉ tiêu, đạt 34,78%. Trong đó:

+ 01 chỉ tiêu đạt kết quả dưới 40%: Đất giao thông.

+ 04 chỉ tiêu đạt kết quả trên 50%, bao gồm: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo; Đất cơ sở tôn giáo.

+ 03 chỉ tiêu đạt kết quả 100%: Đất xây dựng cơ sở y tế; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp.

- Chưa triển khai thực hiện 15/23 chỉ tiêu, chiếm 65,22%, bao gồm: Đất quốc phòng; Đất an ninh; Đất cụm công nghiệp; Đất thương mại dịch vụ; Đất thủy lợi; Đất xây dựng cơ sở văn hóa; Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; Đất chợ; Đất có di tích lịch sử văn hóa; Đất khu vui chơi giải trí công cộng; Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất ở tại nông thôn; Đất ở tại đô thị; Đất xây dựng trụ sở cơ quan; Đất trồng cây lâu năm.

(2) Theo diện tích:

Tính tổng thể: Đã thực hiện xong 39,81 ha đạt 4,64% kế hoạch.

(3) Theo nhóm sử dụng đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: Có 01 chỉ tiêu, chưa triển khai.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Có 22 chỉ tiêu, đã triển khai 08 chỉ tiêu với tổng diện tích đã thực hiện là 39,81 ha đạt 4,64% kế hoạch.

(4) Theo cấp xã, phường: Kết quả thực hiện không đều, biến động từ 0,05 - 26,72 ha.

Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã còn thấp so với những địa phương khác trong toàn tỉnh.

2. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Theo chỉ tiêu: Năm 2023, thị xã có 21 chỉ tiêu sử dụng đất với tổng diện tích 879,20 ha.

- Theo nhóm công trình, dự án:

+ Nhóm phải thu hồi đất có 07 chỉ tiêu với tổng diện tích 227,44 ha.

+ Nhóm chuyển mục đích sử dụng đất có 14 chỉ tiêu, diện tích 651,76 ha.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Cơ sở lựa chọn 21 chỉ tiêu sử dụng đất dự kiến được xác định theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, các nhân trên địa bàn thị xã; phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương.

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Nhu cầu sử dụng đất: 879,20 ha, trong đó:

- Năm 2022 chuyển sang là 811,61 ha, chiếm 92,31%. Đây là những nhu cầu đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nhưng chưa thực hiện được và xét thấy những nhu cầu này là rất thiết thực nên phải được đưa vào Kế hoạch năm 2023.

- Đăng ký mới trong năm 2023 là 67,59 ha, chiếm 7,69%.

2.3. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm Kế hoạch

Mỗi chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến 07 xã, phường; theo đó:

- Nhóm đất nông nghiệp có tổng diện tích 8.158,34 ha được phân bổ cho 07 xã, phường gồm:

* Thác Mơ:	692,95 ha.
* Long Thủy:	198,17 ha.
* Sơn Giang:	1.410,89 ha.
* Long Phước:	835,97 ha.
* Phước Bình:	1.030,62 ha.
* Long Giang:	1.991,93 ha.
* Phước Tín:	1.997,81 ha.

- Nhóm đất phi nông nghiệp có tổng diện tích 3.776,73 ha được phân bổ cho 07 xã, phường gồm:

* Thác Mơ:	1.475,94 ha.
* Long Thủy:	221,39 ha.
* Sơn Giang:	177,54 ha.
* Long Phước:	417,32 ha.
* Phước Bình:	274,19 ha.
* Long Giang:	197,77 ha.

* Phước Tín: 1.012,58 ha.

- Nhóm đất chưa sử dụng: Không có diện tích đất chưa sử dụng.

2.4. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

- Tổng diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 473,23 ha, được phân bổ đến 07 xã, phường trên địa bàn thị xã, gồm:

* Thác Mơ:	41,92 ha.
* Long Thủy:	7,41 ha.
* Sơn Giang:	113,79 ha.
* Long Phước:	62,35 ha.
* Phước Bình:	79,23 ha.
* Long Giang:	73,81 ha.
* Phước Tín:	60,41 ha.

- Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp là 365,41ha, chiếm 77,22% diện tích chuyển đổi.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 73,50 ha, chiếm 15,53% diện tích chuyển đổi.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 34,33 ha, chiếm 7,25% diện tích chuyển đổi.

2.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần phải thu hồi trong năm 2023 trên địa bàn thị xã để phục vụ cho các công trình, dự án 227,44 ha. Trong đó:

- Đất trồng cây lâu năm	214,96 ha
- Đất rừng đặc dụng	4,73 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7,25 ha
- Đất ở tại nông thôn	0,02 ha
- Đất ở tại đô thị	0,48 ha

2.6. Diện tích đất đấu giá quyền sử dụng đất

- Đấu giá Trụ sở phường Long Phước (cũ) - phường Long Phước: 0,11 ha.

- Đấu giá khu đất tại Trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long: 6,16 ha.

- Đấu giá HTX Phước Bình cũ, phường Phước Bình: 0,12 ha.

- Đấu giá khu đất công khu phố 9, phường Long Phước: 0,01 ha.

- Đấu giá khu đất công khu phố 1, phường Long Thủy: 0,03 ha.

- Đấu giá khu đất công khu phố 2, phường Long Thủy: 0,03 ha.

- Đấu giá khu đất công khu phố 4, phường Long Thủy: 0,06 ha.

- Đấu giá khu đất công khu phố 3, phường Thác Mơ: 0,29 ha.

- Đấu giá khu đất công Khu phố Bình Giang 1 (tại Sân vận động), phường Sơn Giang: 0,05 ha.

- Đấu giá khu đất công Khu phố Bình Giang 1 (tại Nhà văn hóa khu phố), phường Sơn Giang: 0,05 ha.

- Đấu giá quyền sử dụng đất (QSDD) ở khu đất Trường MG Thôn Phước Yên, xã Phước Tín: 0,07 ha.

- Đấu giá QSDD ở khu đất Trường TH Phước Tín B, xã Phước Tín: 0,26 ha.

2.7. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Thị xã Phước Long hiện nay không có diện tích đất chưa đưa vào sử dụng.

2.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm Kế hoạch

- Năm 2023, thị xã có 53 công trình, dự án. Trong đó:

+ Có 05 công trình, dự án cấp tỉnh với tổng diện tích 642,34 ha.

+ Có 48 công trình, dự án cấp thị xã, diện tích 181,99 ha.

- Trong 53 công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2023:

+ 22 công trình, dự án với tổng diện tích 227,44 ha do HĐND cấp tỉnh chấp thuận.

+ 31 công trình, dự án với tổng diện tích 596,89 ha ở khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất.

2.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2023

- Dự kiến chi hỗ trợ, bồi thường là 383.699,04 triệu đồng.

- Dự kiến các khoản thu từ các khoản giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 451.188,07 triệu đồng.

- Cân đối thu, chi: Dự kiến cân đối thu, chi là 67.489,03 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển thực hiện. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long Khóa IV, kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- ĐB và 02 Ban HĐND, TV. UBND thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- Phòng TN&MT (10 bản để trình phê duyệt);
- HĐND - UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn